TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RG TỈNH KIÊN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **98**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17/10/2024
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RG – TỈNH KIÊN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Sô Phép

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Văn Bé Em

Bà Chung Kim Sang

Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Sà Ron – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố RG, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục chung vụ án thụ lý số: 323/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023, về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phên tòa số 48/2024/QĐST/HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Hoàng L, sinh năm 1963 (có mặt)

ĐKTT: Số nhà 73/1 đường TĐ, phường AB, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Chổ ở hiện nay: Số nhà 51B đường PĐL, phường AB, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang

2. Bị đơn: Ông Lâm Thanh T, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 974/5 đường NTT, khu phố 2, phường An Hòa, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 05/6/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Võ Thị Hoàng

L trình bày: Tôi và ông T tự quen biết, sau đó hai bên tìm hiểu nhau và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2017, không có tổ chức lễ cưới, chỉ làm lễ ra mắt với dòng họ, hàng xóm, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi chung sống hai vợ chồng sống tại số nhà 974/5 đường NTT, khu phố 2, phường An Hòa, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cách sống hàng ngày, tính tình đôi bên không phù hợp, thường xuyên cự cãi, ông T quen nhiều người phụ nữ khác, ông T không tôn trọng và hay xúc phạm tôi, từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, tôi khuyên can ông T nhiều lần nhưng không sửa đổi và đã sống ly thân từ tháng 3/2024 đến nay. Nay bà L xác định không còn tình cảm với ông T nên làm đơn xin ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà L xác định không có. Bà L xác định hiện nay bà không có mang thai.

- Về tài sản chung: Bà L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Lâm Thanh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà cho ông Lâm Thanh T theo đúng trình tự do Bộ luật tố tụng dân sự quy định, nhưng ông T không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án theo thủ tục sơ thẩm đến thời điểm này về cơ bản Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án là chưa đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Lâm Thanh T chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới, nhưng ông bà cũng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật về Luật Hôn nhân và gia đình. Nên đây là hôn nhân không hợp pháp.

Về con chung: Bà L xác định không có.

Về tài sản chung:Bà L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy trong trường hợp ông T phản đối yêu cầu ly hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung của bà L thì phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phải đối đó. Tuy nhiên từ khi Tòa án thụ lý đến nay ông T vẫn không có ý kiến về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung, tài sản cũng như nợ chung trong thời kỳ hôn nhân giữa ông T với bà L.

Từ các cơ sở đã phân tích ở trên, căn cứ vào Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 8, 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thủ tục tố tụng: Bà Võ Thị Hoàng L khởi kiện yêu cầu "Xin ly hôn" với ông Lâm Thanh T. Do đó đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn ông Lâm Thanh T vẫn vắng mặt không rõ lý do và bà L đồng ý xét xử vắng mặt ông T. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T.

Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án nhận thấy do vụ án cần có thời gian điều tra, xác minh nên kéo dài thời gian, vi phạm thời hạn xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới và ông bà không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật về Luật Hôn nhân và gia đình. Nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm vào khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà L và ông T chung sống với nhau không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên căn cứ Điều 14 việc chung sống của bà L, ông T không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ và chồng. Do đó Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị Hoàng L và ông Lâm Thanh T.

[3] Về quan hệ con chung: Bà L xác định không có.

[4] Về tài sản chung: Bà L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Ông Lâm Thanh T không có ý kiến trình bày tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này ông T có tranh chấp về các vấn đề trên thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG về quan điểm giải quyết vụ án.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L là người cao tuổi nên được miễn án phí được quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UVTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Hoàn trả cho bà Võ Thị Hoàng L số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007675 ngày 14/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị Hoàng L và ông Lâm Thanh T.

2. Về quan hệ con chung: Bà Võ Thị Hoàng L xác định không có.

3. Về tài sản chung: Bà Võ Thị Hoàng L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Võ Thị Hoàng L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Võ Thị Hoàng L cam kết ly hôn không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ trả nợ đối với người khác.

5. Về án phí: Bà L là người cao tuổi nên được miễn án phí được quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UVTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Hoàn trả cho bà Võ Thị Hoàng L số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007675 ngày 14/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thạch Sô Phép

*** Nơi nhận**:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. RG;
- Chi cục THA dân sự Tp. RG;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.